

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả “Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư 16/2017/TT-BTNMT ngày 25/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật, điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 333/TTr-STNMT ngày 24/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả “Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”, như sau:

1. Mục tiêu:

- Định hướng phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.
- Làm sáng rõ đặc điểm tài nguyên nước dưới đất, đánh giá được trữ lượng và chất lượng tài nguyên nước dưới đất tổng thể cho toàn tỉnh và chi tiết các khu vực đô thị, khu công nghiệp và một số khu vực trọng điểm;
- Tạo bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước dưới đất phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;
- Xác định được khả năng đáp ứng nguồn nước cho các mục đích sử dụng và đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước, làm cơ sở để phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng;
- Xác định cơ bản các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 71 Luật Tài nguyên nước và Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
- Phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin tài nguyên nước cho các ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

2. Kết quả “Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”:

a) Công tác thu thập tài liệu:

Thực hiện thu thập tài liệu tại các sở ban ngành bao gồm: Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thống kê, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước Quốc Gia, Công ty cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn... được chia các nhóm tài liệu sau:

- Nhóm tài liệu về bản đồ;
- Nhóm tài liệu về vị trí, loại hình hoạt động của cơ sở kinh tế;
- Nhóm tài liệu về dân số và phân bố dân số;
- Nhóm tài liệu về địa hình, hệ thống thoát nước, nguồn nước và ranh giới tiêu lưu vực, thông tin, bản đồ sử dụng đất;
- Nhóm tài liệu về khí hậu, thủy văn tài nguyên nước;
- Nhóm tài liệu về chất lượng nguồn nước dưới đất
- Nhóm tài liệu về hiện trạng kinh tế và các lĩnh vực liên quan.

b) Công tác điều tra, đánh giá:

Thực hiện điều tra, đánh giá trên diện tích 3.653 km² với tổng số điểm khảo sát là 2.628 điểm, trong đó điểm khảo sát tổng quan (tại UBND các xã, phường, thị trấn) với 108 điểm; 763 điểm công trình cấp nước tự chảy; 126 điểm khảo sát giếng đào; 779 điểm khảo sát giếng khoan; 705 điểm khảo sát nguồn lộ nước; 14 điểm khảo sát công trình cấp nước tập trung; 38 điểm khảo sát bãi rác; 89 điểm khảo sát nghĩa trang; 06 điểm khảo sát sụt lún.

Chất lượng nước dưới đất: Thực hiện lấy và phân tích mẫu nước dưới đất, 64 mẫu được phân bố trên địa bàn tỉnh, bao gồm các chỉ tiêu (pH, Oxy hoà tan (DO), Độ dẫn điện (EC), tổng chất rắn hòa tan (TDS), Clorua (Cl⁻), Amoni (NH₄⁺), Fe (Sắt), Sulphat (SO₄²⁻), Nitrite (NO₂⁻), Nitrat (NO₃⁻), Photphat (PO₄³⁻), Độ cứng theo CaCO₃, Độ đục, As (Asen), Hg (thủy ngân), Cd (Cadini), Pb (Chì), Cu (Đồng), Zn (kẽm), Phenol, Cyanua (CN), Mn, Coliform, E.Coli). Một số chỉ tiêu CaCO₃ và Coliform tại một số điểm vượt giới hạn cho phép theo QCVN 09:2015/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất).

Tài nguyên nước dưới đất: Tài nguyên dự báo nước dưới đất 1.667.580m³/ngày đêm; Trữ lượng có thể khai thác 500.274m³/ngày đêm.

c) Hồ sơ sản phẩm của nhiệm vụ:

(1) Báo cáo tổng hợp điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất;

(2) Báo cáo tóm tắt;

(3) Các báo cáo chuyên đề liên quan;

- Phân tích, đánh giá nhu cầu khai thác, sử dụng nước;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất và khái quát mức độ đáp ứng về số lượng, chất lượng của nước dưới đất cho từng mục đích sử dụng;

- Đánh giá xu thế biến động về nhu cầu và thay đổi hình thức, khai thác, sử dụng nước dưới đất;

- Phân tích, đánh giá tình hình quản lý và hiệu quả khai thác, sử dụng nước dưới đất;

- Xác định các vấn đề nảy sinh do các hoạt động khai thác nước dưới đất và đề xuất các giải pháp giảm thiểu;

- Tổng hợp các vấn đề về hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất để xác định các vấn đề nổi cộm liên quan đến khai thác, sử dụng nước dưới đất và đề xuất phương hướng khắc phục.

- Đề xuất khoan định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

(4) Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất; Bản đồ hiện trạng chất lượng nước dưới đất; Bản đồ tài nguyên nước dưới đất; Bản đồ chất lượng nước dưới đất; Bản đồ khoan định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

(5) Bộ dữ liệu về hiện trạng khai thác nước dưới đất;

(6) Địa CD sản phẩm dự án.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai kết quả: Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố nghiên cứu sử dụng hiệu quả các sản phẩm của dự án và thực hiện các nội dung có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh (ô. Thắt);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, H₁

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Quang Tuyền